Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8407.32.22

Mã HS	8407.32.22
Mô tả hàng hóa	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - Dung tích xilanh trên 110 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 10:24:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84073222/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	67.5	67,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12886
Thuế NK ưu đãi (MFN)	45	45%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12886
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12886
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	5,6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5,6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
ACFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AC!E12163
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12106
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12106
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12106
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12106
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12106
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12106
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	AJ!E12158
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	AJ!F12158
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	AJ!G12158
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	AJ!H12158

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	AJ!I12158
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	AJ!J12158
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	VJ!E12159
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	VJ!F12159
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	VJ!G12159
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	VJ!H12159
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	VJ!I12159
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	VJ!J12159
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F12162
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H12112
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F12118
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G12118
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H12118
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I12118
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J12118
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K12118
VKFTA	2022	2022	45	VK!E12151
VKFTA	2023	2023	45	VK!F12151
VKFTA	2024	2024	45	VK!G12151
VKFTA	2025	2025	45	VK!H12151
VKFTA	2026	2026	45	VK!I12151
VKFTA	2027	2027	45	VK!J12151
VCFTA	2022	2022	*	VC!D12196
VCFTA	2023	2023	*	VC!E12196
VCFTA	2024	2024	*	VC!F12196
VCFTA	2025	2025	*	VC!G12196

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H12196
VCFTA	2027	2027	*	VC!I12196
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12181
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12181
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12181
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12181
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12181
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12181
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D12181
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E12181
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F12181
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G12181
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H12181
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I12181
EVFTA	2022	2022	28,1	EV-NK!D12198
EVFTA	2023	2023	22,5	EV-NK!E12198
EVFTA	2024	2024	16,8	EV-NK!F12198
EVFTA	2025	2025	11,2	EV-NK!G12198
EVFTA	2026	2026	5,6	EV-NK!H12198
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12198
UKVFTA	2022	2022	28,1	UKV!D12197
UKVFTA	2023	2023	22,5	UKV!E12197
UKVFTA	2024	2024	16,8	UKV!F12197
UKVFTA	2025	2025	11,2	UKV!G12197
UKVFTA	2026	2026	5,6	UKV!H12197
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12197

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	22,5	CPTPP!D12144
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	16,8	CPTPP!E12144
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	11,2	CPTPP!F12144
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	5,6	CPTPP!G12144
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12144
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12144
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12144
RCEP A	2022	2022	45	RCEPT-A!D12181
RCEP A	2023	2023	45	RCEPT-A!E12181
RCEP A	2024	2024	45	RCEPT-A!F12181
RCEP A	2025	2025	45	RCEPT-A!G12181
RCEP A	2026	2026	45	RCEPT-A!H12181
RCEP A	2027	2027	45	RCEPT-A!I12181
RCEP B	2022	2022	45	B!D12181
RCEP B	2023	2023	45	B!E12181
RCEP B	2024	2024	45	B!F12181
RCEP B	2025	2025	45	B!G12181
RCEP B	2026	2026	45	B!H12181
RCEP B	2027	2027	45	B!I12181
RCEP C	2022	2022	*	C!D12181
RCEP C	2023	2023	*	C!E12181
RCEP C	2024	2024	*	C!F12181
RCEP C	2025	2025	*	C!G12181
RCEP C	2026	2026	*	C!H12181
RCEP C	2027	2027	*	C!I12181
RCEP D	2022	2022	*	D!D12180

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	*	D!E12180
RCEP D	2024	2024	*	D!F12180
RCEP D	2025	2025	*	D!G12180
RCEP D	2026	2026	*	D!H12180
RCEP D	2027	2027	*	D!I12180
RCEP E	2022	2022	*	E!D12184
RCEP E	2023	2023	*	E!E12184
RCEP E	2024	2024	*	E!F12184
RCEP E	2025	2025	*	E!G12184
RCEP E	2026	2026	*	E!H12184
RCEP E	2027	2027	*	E!I12184
RCEP F	2022	2022	45	F!D12181
RCEP F	2023	2023	45	F!E12181
RCEP F	2024	2024	45	F!F12181
RCEP F	2025	2025	45	F!G12181
RCEP F	2026	2026	45	F!H12181
RCEP F	2027	2027	45	F!I12181
VIFTA	2024	2024	*	VI!F11262
VIFTA	2025	2025	*	VI!G11262
VIFTA	2026	2026	*	VI!H11262
VIFTA	2027	2027	*	VI!I11262

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 45%, RCEP (Phụ lục B) 45%, RCEP (Phụ lục F) 45%, VKFTA 45%, ACFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (45%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 45%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8407.32 có 5 dòng thuế; dòng 8407.32.22 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11.	8407.32.11 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01; 8407.32.12 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11; 8407.32.19 Loại khác; 8407.32.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8407.32.22. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 45% của mã 8407.32.22 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12886), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.